

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2022

“V/v xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXX-ST ngày 23/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022 ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà A, thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà A, thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh N kết hôn ngày 20/3/1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Ông bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh năm 1994 (đã chết), Nguyễn Thành N, sinh năm 1996, anh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được nữa, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng thấy ngột ngạt, chồng bà là người vũ phu, hay đánh đập vợ, dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa, ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với ông N, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng ông N cố tình vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do bị đơn cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk

Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà T có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với ông Nguyễn Thanh N (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N kết hôn với nhau vào ngày 20/3/1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, ông bà đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không duy trì được cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc xin ly hôn.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006865 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện M (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng